

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 25
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng ban
Bà Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Minh Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Số: 422/2013/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Nam Dược*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam với số tiền là 1.397.281.913 đồng dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 phản ánh tăng với số tiền tương ứng.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trước ngày 01/01/2010, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào Công ty này với số tiền 255 triệu đồng đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán của Công ty theo giá gốc. Với các tài liệu được cung cấp, Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và mức trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư này ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Công ty Cổ phần Nam Dược đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2011 trong năm 2012 căn cứ vào lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 với số tiền 4.842.228.109 đồng mà không đủ nguồn để chi trả cổ tức trên Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty.
- Năm 2011 và Năm 2012, Công ty chưa xác định và phản ánh ảnh hưởng của giá thị trường đối với các sản phẩm trong các giao dịch liên kết với Công ty TNHH MTV Nam dược Phương Nam - Công ty con và kê khai các giao dịch liên kết theo mẫu GCN-01/QLT quy định tại Phụ lục 1-GCN/CC ban hành kèm theo Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính. Với các tài liệu hiện có, Chúng tôi không thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của vấn đề này trong năm và đã phát sinh trong các năm trước ảnh hưởng lũy kế tới các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và 31/12/2012 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1437KTV



Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.378.034.309	28.662.092.457
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.635.102.863	4.456.377.108
111 1. Tiền		635.102.863	3.456.377.108
112 2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	1.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.005.734.247	22.287.319.849
131 1. Phải thu khách hàng		6.045.425.065	8.982.075.463
132 2. Trả trước cho người bán		720.076.230	1.205.092.823
135 5. Các khoản phải thu khác	4	240.232.952	12.100.151.563
140 IV. Hàng tồn kho	5	3.213.761.510	1.473.105.790
141 1. Hàng tồn kho		3.213.761.510	1.473.105.790
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.523.435.689	445.289.710
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		328.684.717	204.405.086
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		319.245.386	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác		875.505.586	240.884.624
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.444.039.608	33.106.130.154
220 II. Tài sản cố định		1.547.325.686	1.641.437.428
221 1. Tài sản cố định hữu hình	6	1.335.765.686	1.641.437.428
222 - Nguyên giá		3.936.343.333	3.789.791.089
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.600.577.647)	(2.148.353.661)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	211.560.000	-
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	31.255.000.000	31.255.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		31.000.000.000	31.000.000.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		255.000.000	255.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		641.713.922	209.692.726
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	631.713.922	199.692.726
268 3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		54.822.073.917	61.768.222.611

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		9.683.005.766	12.840.316.948
310 I. Nợ ngắn hạn		9.683.005.766	12.634.630.383
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	10	82.000.000	6.602.105.000
312 2. Phải trả người bán		2.926.493.222	2.794.526.845
313 3. Người mua trả tiền trước		1.331.802	39.830.032
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	5.123.838.576	1.315.516.771
315 5. Phải trả người lao động		870.979.073	1.463.154.260
316 6. Chi phí phải trả	12	121.250.000	145.878.573
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	557.113.093	273.618.902
330 II. Nợ dài hạn		-	205.686.565
334 4. Vay và nợ dài hạn		-	102.000.000
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	103.686.565
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.139.068.151	48.927.905.663
410 I. Vốn chủ sở hữu	14	45.139.068.151	48.927.905.663
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.660.931.849)	(7.872.094.337)
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		54.822.073.917	61.768.222.611

Trần Thị Anh Đức

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Hoàng Minh Châu

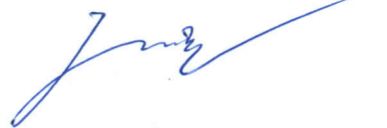
Tổng Giám đốc

Mẫu B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	127.227.391.999	79.962.261.621
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	121.204.712	1.929.759.613
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.106.187.287	78.032.502.008
11	4. Giá vốn hàng bán	17	81.724.905.631	49.133.741.859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.381.281.656	28.898.760.149
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	5.346.054.078	44.748.308
22	7. Chi phí tài chính	19	592.022.174	3.243.170.387
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		592.022.174	2.717.393.388
24	8. Chi phí bán hàng	20	36.636.968.874	19.201.069.108
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	8.004.144.031	5.646.334.287
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.494.200.655	852.934.675
31	11. Thu nhập khác		105.322.953	1.360.953
32	12. Chi phí khác		5.173.221	7.389.578
40	13. Lợi nhuận khác		100.149.732	(6.028.625)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.594.350.387	846.906.050
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	4.540.959.790	720.098.418
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.053.390.597</u>	<u>126.807.632</u>



Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	5.594.350.387	846.906.050
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	452.223.986	384.204.537
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(5.346.054.078)	(44.731.953)
06	- Chi phí lãi vay	592.022.174	2.717.393.388
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.292.542.469	3.903.772.022
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	14.091.535.149	7.250.813.188
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(1.740.655.720)	531.347.080
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(891.583.467)	6.135.485.990
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(556.300.827)	(265.022.438)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(735.650.747)	(3.335.847.902)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	143.950.661	
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(547.060.597)	(740.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	11.056.776.921	14.219.807.940
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(358.112.244)	(1.070.626.521)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.346.054.078	44.731.953
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.987.941.834	(1.025.894.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	13.705.897.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.622.105.000)	(24.598.074.937)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.243.888.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(10.865.993.000)	(10.892.177.937)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.178.725.755	2.301.735.435
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.456.377.108	2.154.641.673
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	9.635.102.863	4.456.377.108



Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng.

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược (*)	Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm

(*): Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội - phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 447/GBN-ĐKKD ngày 18/01/2013 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 01 từ ngày 20/01/2013 đến ngày 20/01/2014.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 08.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/12/2009 hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe);
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyên giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu;
- Bán buôn thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng; và
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính .

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.



2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-04 năm

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hàng hóa sử dụng để khuyến mãi cho khách hàng Công ty chỉ sẽ thực hiện ghi nhận chi phí bán hàng giá trị hàng khuyến mãi mà không phản ánh giá vốn và doanh thu nội bộ tương ứng của giá trị hàng khuyến mãi này.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.13 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% đối với sản phẩm chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu B09 - DN

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	68.823.988	1.422.523.640
Tiền gửi ngân hàng	566.278.875	2.033.853.468
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	1.000.000.000
	<u>9.635.102.863</u>	<u>4.456.377.108</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí chưa có chứng từ hợp lệ và xác định được nội dung đối tượng (*)	-	11.998.288.004
Phải thu khác	240.232.952	101.863.559
	<u>240.232.952</u>	<u>12.100.151.563</u>

(*) Các khoản chi phí chưa có chứng từ hợp lệ và xác định được nội dung, đối tượng năm 2011 đã được thu lại bằng tiền trong năm 2012.

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng hóa	3.213.761.510	1.473.105.790
	<u>3.213.761.510</u>	<u>1.473.105.790</u>

6 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	211.560.000	-
- Phần mềm kế toán	211.560.000	-
	<u>211.560.000</u>	<u>-</u>

Mẫu B09 - DN

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	31.000.000.000	31.000.000.000
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000	255.000.000
	31.255.000.000	31.255.000.000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã tạm ngừng hoạt động.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	199.692.726	160.453.390
Số tăng trong năm	609.754.683	131.341.791
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(177.733.487)	(92.102.455)
Số dư cuối năm	631.713.922	199.692.726
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	387.555.692	187.926.473
Chi phí nghiên cứu thị trường sản phẩm cốm bổ ích nhi	166.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	78.158.230	11.766.253
	631.713.922	199.692.726

Mẫu B09 - DN

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	6.530.105.000
Vay đối tượng khác	-	6.530.105.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	82.000.000	72.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - SGD Hà Nội (1)	82.000.000	72.000.000
	82.000.000	6.602.105.000

(1) Vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 43510.006 746810 ngày 28/12/2010 được ký giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội với số tiền 226.000.000 VND để mua xe tải Hyundai Porter 1,25 tấn. Tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	119.359.863	693.054.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.977.967.488	437.007.698
Thuế thu nhập cá nhân	26.511.225	185.454.888
	5.123.838.576	1.315.516.771

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.250.000	145.878.573
Phải trả chi phí tích điểm theo doanh số	119.000.000	-
	121.250.000	145.878.573

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	78.670.093	80.854.193
Bảo hiểm xã hội	-	33.423.114
Bảo hiểm y tế	-	66.699.464
Cổ tức phải trả cho cổ đông	300.112.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.000.000	33.049.339
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.619.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.331.000	56.973.712
	557.113.093	273.618.902

Mẫu B09 - DN

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.544.000.000	-

c) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng (*)	127.227.391.999	79.962.261.621
	127.227.391.999	79.962.261.621

(*) Doanh thu bán hàng không bao gồm doanh thu hàng khuyến mãi cho khách hàng năm 2011 và năm 2012 trị giá 3.276.948.570 đồng và 14.038.683.080 đồng.

Mẫu B09 - DN

16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	634.001.167
Hàng bán bị trả lại	121.204.712	1.295.758.446
	121.204.712	1.929.759.613

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán (*)	81.724.905.631	49.133.741.859
	81.724.905.631	49.133.741.859

(*) Giá vốn bán hàng không bao gồm giá vốn hàng khuyến mãi cho khách hàng năm 2011 và năm 2012 trị giá 3.276.948.570 đồng và 14.038.683.080 đồng.

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265.243.481	44.731.953
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.080.810.597	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	16.355
	5.346.054.078	44.748.308

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	592.022.174	2.717.393.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	525.776.999
	592.022.174	3.243.170.387

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	585.000	4.000.000
Chi phí nhân công	7.344.479.602	3.950.872.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.500.169	153.637.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.314.630.156	13.858.291.533
<i>Trong đó: Chi phí quảng cáo khuyến mãi</i>	<i>26.667.219.717</i>	<i>12.643.356.040</i>
Chi phí khác bằng tiền	700.773.947	1.234.267.259
	36.636.968.874	19.201.069.108

Mẫu B09 - DN

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.113.046	58.447.721
Chi phí nhân công	4.991.255.108	3.126.163.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.723.817	233.011.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.120.986.910	1.691.743.518
Chi phí khác bằng tiền	602.065.150	536.967.853
	8.004.144.031	5.646.334.287

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

22.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.594.350.387	846.906.050
Các khoản điều chỉnh tăng	25.434.801.870	14.963.570.179
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	-	195.999.157
- Tiền phạt hành chính	1.209.633	3.060.674
- Chi phí vượt định mức 10% không được trừ	25.154.965.708	13.416.693.180
- Lãi vay vượt mức quy định	145.433.324	713.816.001
- Chiết khấu thanh toán không có chứng từ hợp lệ	-	634.001.167
- Chi phí không có chứng từ	133.193.205	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.080.810.597)	(11.695.628.128)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(5.080.810.597)	-
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	(11.695.628.128)
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.948.341.660	4.114.848.101
Chi phí thuế TNDN (thuế suất 25%)	6.487.085.415	1.028.712.025
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 Theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	-	(308.613.607)
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 Theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012	(1.946.125.625)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	4.540.959.790	720.098.418
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	437.007.698	(283.090.720)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.977.967.488	437.007.698

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.698.046	62.447.721
Chi phí nhân công	12.335.734.710	7.077.036.429
Chi phí khấu hao TSCĐ	452.223.986	386.649.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.435.617.066	15.550.035.051
Chi phí khác bằng tiền	1.302.839.097	1.771.235.112
	44.641.112.905	24.847.403.395

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.635.102.863	-	4.456.377.108	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.285.658.017	-	21.082.227.026	-
Đầu tư dài hạn	255.000.000	-	255.000.000	-
	16.175.760.880	-	25.793.604.134	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	82.000.000	6.704.105.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.483.606.315	3.068.145.747
Chi phí phải trả	121.250.000	145.878.573
	3.686.856.315	9.918.129.320

00
C
CH
CH
CH
KI
VK

Mẫu B09 - DN

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.635.102.863	-	-	9.635.102.863
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.285.658.017	-	-	6.285.658.017
Đầu tư dài hạn		255.000.000	-	255.000.000
	15.920.760.880	255.000.000	-	15.920.760.880
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.456.377.108	-	-	4.456.377.108
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.082.227.026	-	-	21.082.227.026
Đầu tư dài hạn	-	255.000.000	-	255.000.000
	25.538.604.134	255.000.000	-	25.793.604.134

Mẫu B09 - DN

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	82.000.000	-	-	82.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.483.606.315	-	-	3.483.606.315
Chi phí phải trả	121.250.000	-	-	121.250.000
	3.686.856.315	-	-	3.686.856.315
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	6.602.105.000	102.000.000	-	6.704.105.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.068.145.747	-	-	3.068.145.747
Chi phí phải trả	145.878.573	-	-	145.878.573
	9.816.129.320	102.000.000	-	9.918.129.320

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh:

Toàn bộ lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh dược phẩm.

Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo khu vực địa lý:

	Khu vực phía bắc VND	Khu vực phía nam VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	73.208.004.407	53.898.182.880	127.106.187.287
Giá vốn	44.698.301.014	37.026.604.617	81.724.905.631
Lợi nhuận gộp	28.509.703.393	16.871.578.263	45.381.281.656
Tài sản bộ phận	54.822.073.917	-	54.822.073.917
Tổng chi phí mua TSCĐ	146.552.244	-	146.552.244

Mẫu B09 - DN

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con	57.594.573.312	32.174.115.050
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	-	108.400.000
Mua hàng hóa			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	96.823.316.700	50.995.951.400
Thu lợi nhuận từ Công ty con			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	5.080.810.597	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu			
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con	5.966.339.061	3.002.011.038
Phải trả			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	1.717.250.433	1.587.611.371
Vay ngắn hạn			
- Bà Dương Thị Lan	Thành viên HĐQT	-	850.000.000
- Bà Dương Thị Sáu	Người có liên quan đến thành viên HĐQT	-	1.000.000.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
- Phải trả nội bộ	317	-	1.587.611.371
- Phải trả người bán	312	2.794.526.845	1.206.915.474


Trần Thị Anh Đức
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013


Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	185.000.000	3.319.238.418	285.552.671	3.789.791.089
Số tăng trong năm	-	-	146.552.244	146.552.244
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	146.552.244	146.552.244
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	185.000.000	3.319.238.418	432.104.915	3.936.343.333
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	13.924.730	2.059.989.178	74.439.753	2.148.353.661
Số tăng trong năm	36.999.996	339.970.485	75.253.505	452.223.986
- <i>Khấu hao trong năm</i>	36.999.996	339.970.485	75.253.505	452.223.986
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	50.924.726	2.399.959.663	149.693.258	2.600.577.647
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	171.075.270	1.259.249.240	211.112.918	1.641.437.428
Tại ngày cuối năm	134.075.274	919.278.755	282.411.657	1.335.765.686

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 195.994.164 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.127.146.374 VND



Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	21.813.000.000	195.999.157	(29.811.901.969)	48.997.097.188
Lãi trong năm trước	-	-	-	126.807.632	126.807.632
Chuyển thặng dư bù lỗ lũy kế (*)	-	(21.813.000.000)	-	21.813.000.000	-
Giảm khác	-	-	(195.999.157)	-	(195.999.157)
Số dư cuối năm trước	56.800.000.000	-	-	(7.872.094.337)	48.927.905.663
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.053.390.597	1.053.390.597
Chi trả thù lao HĐQT&BKS (**)	-	-	-	(298.228.109)	(298.228.109)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(4.544.000.000)	(4.544.000.000)
Số dư cuối năm nay	56.800.000.000	-	-	(11.660.931.849)	45.139.068.151

(*) Năm 2011 Công ty thực hiện chuyển thặng dư vốn cổ phần số tiền 21.813.000.000 đồng để giảm lỗ lũy kế theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011-BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2011.

(**) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 19/05/2012 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 để chi trả cổ tức cho cổ đông là 8% vốn điều lệ, thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 là 5% lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm 2011 tương đương 300 triệu đồng. Công ty đang thực hiện phân phối lợi nhuận trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất.